

Số: 71/2020/BHHC-TCHC

V/v: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm
tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Lào Cai, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thành Hưng
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0989000303

Loại công bố thông tin:

<input type="checkbox"/>	24 giờ
<input type="checkbox"/>	72 giờ
<input type="checkbox"/>	Bất thường
<input type="checkbox"/>	Theo yêu cầu
<input checked="" type="checkbox"/>	Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện
Bắc Hà ngày 20/03/2020 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP HĐQT;
- Lưu TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên
Bà Lê Thị Quỳnh Chi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Thập	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019)
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

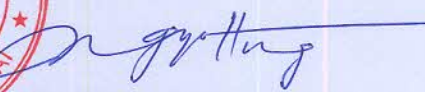
Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020



Số: 0636 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang phản ánh khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 với số tiền khoảng 10,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 13,4 tỷ VND). Công ty chưa hạch toán các khoản lãi có thể phát sinh do Công ty chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 trong báo cáo tài chính do hai bên chưa thống nhất được số liệu. Việc không ghi nhận các khoản lãi có thể phát sinh này xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính của niên độ đó. Các khoản lãi này có ảnh hưởng đến số dư lợi nhuận chưa phân phối và số dư phải trả người bán của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản lãi có thể phát sinh này, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 153,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 khoảng 76,8 tỷ VND). Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

A blue ink signature of Nguyễn Tiên Quốc.

Nguyễn Tiên Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2019-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.877.891.625	82.828.888.164
I. Tiền	110	4	1.202.905.924	49.685.878.257
1. Tiền	111		1.202.905.924	49.685.878.257
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	7.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.609.954.881	32.871.030.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.856.435.972	16.752.231.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.459.152.437	5.308.584.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.294.366.472	10.810.213.896
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.065.030.820	271.979.392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.065.030.820	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	-	271.979.392
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.880.132.382.080	1.978.548.036.297
I. Tài sản cố định	220		1.879.161.542.316	1.976.722.741.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.879.161.542.316	1.976.722.741.004
- Nguyên giá	222		2.599.627.955.465	2.597.199.491.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(720.466.413.149)	(620.476.750.925)
II. Tài sản dài hạn khác	260		970.839.764	1.825.295.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		970.839.764	1.825.295.293
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.912.010.273.705	2.061.376.924.461

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.293.593.673.518		1.391.034.011.700	
I. Nợ ngắn hạn	310		185.715.498.866		159.697.020.880	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	14.898.669.756		22.043.406.621	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	8.369.680.707		11.141.085.296	
3. Phải trả người lao động	314		990.972.462		1.034.636.760	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	19.902.747.699		10.601.296.643	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	7.500.130.563		7.872.595.560	
6. Vay ngắn hạn	320	14	133.853.297.679		107.004.000.000	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		200.000.000		-	
II. Nợ dài hạn	330		1.107.878.174.652		1.231.336.990.820	
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	11	44.120.000.000		54.120.000.000	
2. Vay dài hạn	338	15	1.063.758.174.652		1.177.216.990.820	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		618.416.600.187		670.342.912.761	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	618.416.600.187		670.342.912.761	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660.000.000.000		660.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000		660.000.000.000	
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		200.000.000		-	
3. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.783.399.813)		10.342.912.761	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.912.761		(32.821.584.931)	
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(41.826.312.574)		43.164.497.692	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.912.010.273.795		2.061.376.924.461	

Hà Thị Thùy
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	17	207.556.006.761	301.093.729.832
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		207.556.006.761	301.093.729.832
3. Giá vốn hàng bán	11	18	114.999.384.303	112.363.322.163
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		92.556.622.458	188.730.407.669
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		403.375.136	696.494.893
6. Chi phí tài chính	22	20	125.224.879.474	131.399.595.025
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		124.678.143.389	130.519.477.266
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.828.349.236	9.829.381.705
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(41.093.231.116)	48.197.925.832
9. Thu nhập khác	31		58.524.232	53.533.815
10. Chi phí khác	32	22	14.314.496	5.038.941.347
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		44.209.736	(4.985.407.532)
12. (Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(41.049.021.380)	43.212.518.300
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	777.291.194	48.020.608
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(41.826.312.574)	43.164.497.692
15. (Lỗ)/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(634)	655


Hà Thị Thùy
Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng




Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(41.049.021.380)	43.212.518.300
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	99.989.662.224	99.773.465.349
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(386.624.700)	(198.615.160)
- Chi phí lãi vay	06	124.678.143.389	130.519.477.266
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	183.232.159.533	273.306.845.755
- Thay đổi các khoản phải thu	09	11.709.112.826	39.157.172.436
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.038.232.745)	(13.693.265.369)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.210.575.291)	(1.588.793.555)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(125.362.534.864)	(132.209.401.753)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.329.929.459	164.652.557.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(10.690.008.003)	(146.115.764.263)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	386.624.700	198.615.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.303.383.303)	(145.917.149.103)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	10.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	29.994.481.511	115.087.072.913
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(116.604.000.000)	(95.636.256.745)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(9.900.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(96.509.518.489)	29.450.816.168
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(48.482.972.333)	48.186.224.579
Tiền đầu năm	60	49.685.878.257	1.499.653.678
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.202.905.924	49.685.878.257


Hà Thị Thùy
Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300240587 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và giao dịch trên sàn UPCOM với mã BHA từ ngày 02 tháng 8 năm 2017.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 70 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 83).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện nhỏ và vừa;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện;
- Tiếp nhận vận tải, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng;
- Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch;
- Đầu tư tài chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

1250
NG T
TNHH
LOIT
T NA
DA - T

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 153,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 76,8 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 12 tháng tới như sau:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ;
- Tiếp tục thực hiện sử dụng các dòng tiền từ các khoản tín dụng chưa hết hạn mức vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Lào Cai;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty là lãi khoảng 46 tỷ VND và kế hoạch lưu chuyển tiền thuần trong năm 2020 là khoảng 1 tỷ đồng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 32/2020/NQ-BHHC-HDQT ngày 18 tháng 02 năm 2020. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đang trong lộ trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ.



Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải	12 - 20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm

quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

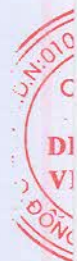
Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	73.068.695	175.863.908
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.129.837.229	49.510.014.349
	1.202.905.924	49.685.878.257

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND
Đầu tư ngắn hạn				
Trái phiếu (*)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-

(*) Phản ánh trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico với số lượng là 70 trái phiếu có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 01 năm 2020, bên bán đã mua lại toàn bộ số lượng trái phiếu này. Lãi suất danh nghĩa là 11%/năm, cố định trong suốt kỳ hạn trái phiếu.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.856.435.972	16.752.231.982
	10.856.435.972	16.752.231.982

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.837.568.040	4.596.020.240
Các khoản khác	621.584.397	712.564.397
	5.459.152.437	5.308.584.637
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	4.837.568.040	4.596.020.240

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	1.192.937.613	2.794.021.422
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.074.280.085	7.989.043.700
Phải thu khác	27.148.774	27.148.774
	5.294.366.472	10.810.213.896

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng VND
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.673.204.974.842	803.366.900.147	120.627.616.940	2.597.199.491.929
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.428.463.536	-	-	2.428.463.536
Số dư cuối năm	1.675.633.438.378	803.366.900.147	120.627.616.940	2.599.627.955.465
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	220.814.291.552	341.660.442.233	58.002.017.140	620.476.750.925
Khấu hao trong năm	37.870.196.722	51.681.865.535	10.437.599.967	99.989.662.224
Số dư cuối năm	258.684.488.274	393.342.307.768	68.439.617.107	720.466.413.149
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.452.390.683.290	461.706.457.914	62.625.599.800	1.976.722.741.004
Tại ngày cuối năm	1.416.948.950.104	410.024.592.379	52.187.999.833	1.879.161.542.316

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.413.433.952 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.172.524.862 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.879.161.542.316 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.976.722.741.004 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Lãi dài hạn	44.120.000.000	54.120.000.000
Lãi vay phải trả ân hạn (i)	44.120.000.000	54.120.000.000
	64.022.747.699	64.721.296.643

- (i) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với số tiền 54.120.000.000 VND, trong đó bao gồm 10.000.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12 năm 2020. Khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện tháng 12 (i)	1.210.148.400	1.696.382.971
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.099.802.734	6.081.063.000
Các khoản phải trả khác	190.179.429	95.149.589
	7.500.130.563	7.872.595.560

- (i) Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện tháng 12 năm 2019 chưa phát hành hóa đơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

14. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Biến động trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	-	-	25.081.554.424	9.600.000.000	15.481.554.424	15.481.554.424
Công ty TNHH MTV Sovico Quảng Ngãi	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000	-	-
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Lào Cai (*)	-	-	15.481.554.424	-	15.481.554.424	15.481.554.424
b) Vay dài hạn đến hạn trả	107.004.000.000	107.004.000.000	118.371.743.255	107.004.000.000	118.371.743.255	118.371.743.255
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	75.000.000.000	75.000.000.000	86.367.743.255	75.000.000.000	86.367.743.255	86.367.743.255
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000
	107.004.000.000	107.004.000.000	143.453.297.679	116.604.000.000	133.853.297.679	133.853.297.679

(*) Vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Lào Cai theo Hợp đồng tín dụng số 13538/19MB/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện số 05/2012/HĐ-NMĐ-Đ Bắc Hà ngày 19 tháng 5 năm 2012 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty. Thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Lãi suất nợ trong hạn được áp dụng cho từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trả cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ hoặc các cam kết khác kèm theo, nếu có.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

15. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Biến động trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	905.153.285.955	905.153.285.955	4.912.927.087	75.000.000.000	835.066.213.042	835.066.213.042
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	379.067.704.865	379.067.704.865	-	32.004.000.000	347.063.704.865	347.063.704.865
	1.284.220.990.820	1.284.220.990.820	4.912.927.087	107.004.000.000	1.182.129.917.907	1.182.129.917.907

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
(chi tiết xem Thuyết minh số 14)

107.004.000.000

118.371.743.255

- Số phải trả sau 12 tháng

1.177.216.990.820

1.063.758.174.652

- (i) Ngày 30 tháng 10 năm 2006, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/HSTD-BH/2006 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với số tiền vay là 844 tỷ VND. Thời hạn vay là 162 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn ân hạn là 42 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mức lãi suất áp dụng cho số dư nợ gốc của các khoản vay ước nhận nợ. Thời hạn ân hạn là 42 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mức lãi suất áp dụng cho số dư nợ gốc của các khoản vay trong mỗi kỳ hạn tính lãi là tỷ lệ phần trăm theo năm bằng tổng của lãi suất tiết kiệm bình quân và lãi suất biên là 3,6%/năm. Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 09/PLHD-BH/2015 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi. Ngày 12 tháng 12 năm 2017, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017 về việc tăng hạn mức tín dụng, hạn mức tín dụng mới là 1.129.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Lào Cai theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HĐSD ngày 09 tháng 7 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HĐSD ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HĐSD ngày 29 tháng 6 năm 2012. Các Hợp đồng sửa đổi bổ sung 04/2012/HĐSDBS ngày 03 tháng 7 năm 2012, số 05/2013/HĐSDBS ngày 06 tháng 3 năm 2013 và số 06/2013/HĐTĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 156 tỷ VND, cho mục đích đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng; mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phép phê duyệt. Thời hạn cho vay là 168 tháng (14 năm) kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ (ngày 31 tháng 10 năm 2007). Thời hạn ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm tính trên dư nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 11,7%/năm.

- Ngày 13 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng vay số 02/2009 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 315 tỷ VND cho mục đích đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo kế ước nhận nợ, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất nợ trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2009/HĐSD ngày 10 tháng 9 năm 2009 thay đổi về điều khoản giải ngân của Hợp đồng số 02/2009. Ngày 31 tháng 8 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bổ sung số 01/2011/HĐTD ĐTBS-NHPT với các điều khoản vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng vay số 02/2009.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	118.371.743.255	107.004.000.000
Trong năm thứ hai	127.004.000.000	117.004.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	401.012.000.000	391.012.000.000
Sau năm năm	535.742.174.652	669.200.990.820
	1.182.129.917.907	1.284.220.990.820
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	118.371.743.255	107.004.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.063.758.174.652	1.177.216.990.820

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	650.000.000.000	-	(32.821.584.931)	617.178.415.069
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	43.164.497.692	43.164.497.692
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	-	10.342.912.761	670.342.912.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	(41.826.312.574)	(41.826.312.574)
Trích quỹ dự phòng tài chính (i)	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	(9.900.000.000)	(9.900.000.000)
Số dư cuối năm nay	660.000.000.000	200.000.000	(41.783.399.813)	618.416.600.187

(i) Công ty đã công bố chia và chi trả cổ tức với số tiền 9.900.000.000 VND, trích lập quỹ dự phòng tài chính và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cùng với số tiền 200.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 99/2019/NQ-BHHC-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 1,5%.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ tám ngày 20 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 660.000.0000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000	44,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	159.666.000.000	24,19%	58.500.000.000	8,86%
Công ty Cổ phần Hưng Doanh Việt	-	0,00%	166.000.000.000	25,15%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	0,00%	60.953.620.000	9,24%
Các cổ đông khác	209.203.170.000	31,70%	83.415.550.000	12,64%
	660.000.000.000	100%	660.000.000.000	100%

Cổ phiếu

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu điện phát lưới	207.556.006.761	301.093.729.832
	207.556.006.761	301.093.729.832

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn phát điện	114.999.384.303	112.363.322.163
	114.999.384.303	112.363.322.163

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nhân công	15.895.139.285	16.565.513.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.989.662.224	99.773.465.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.644.573.987	4.348.096.408
Chi phí khác bằng tiền	4.298.358.043	1.505.628.998
	123.827.733.539	122.192.703.868

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	124.678.143.389	130.519.477.266
Khác	546.736.085	880.117.759
	125.224.879.474	131.399.595.025

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.102.816.995	6.805.486.171
Chi phí bằng tiền khác	2.725.532.241	3.023.895.534
	8.828.349.236	9.829.381.705

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt hành chính, chậm nộp thuế	14.314.496	4.541.378.990
Khác	-	497.562.357
	14.314.496	5.038.941.347

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	(41.049.021.380)	43.212.518.300
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	14.314.496	5.038.941.347
Chuyển lỗ	-	47.291.047.480
Thu nhập chịu thuế	-	960.412.167
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Giảm thuế	50%	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	48.020.608
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (*)	777.291.194	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	777.291.194	48.020.608

(*) Điều chỉnh truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 10 tháng 10 năm 2019.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	(41.826.312.574)	43.164.497.692
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(200.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(41.826.312.574)	42.964.497.692
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	66.000.000	65.557.692
(Lỗ)/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(634)	655

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 với số tiền là 200.000.000 VND. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định lại là 655 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 658 VND/cổ phiếu).

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 314/HĐTD ngày 09 tháng 9 năm 2008 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Công ty thuê diện tích 8.568.177 m² đất tại các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai để xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Tiền thuê đất sẽ được thanh toán hàng năm theo đơn giá của cơ quan thuế, thời gian thuê theo Hợp đồng là từ ngày 13 tháng 9 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Căn cứ vào Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được miễn tiền thuê đất từ tháng 9 năm 2007 đến hết tháng 8 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần ("Licogi")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần LICOGI 1	Cùng cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Mua hàng	87.272.727	130.909.092
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần (Licogi)	87.272.727	130.909.092
Chi trả cổ tức	5.244.462.450	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần ("Licogi")	4.366.962.450	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	877.500.000	-
Cho vay	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần ("Licogi")	3.000.000.000	-
Thu hồi gốc vay	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần ("Licogi")	3.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Trả trước cho người bán	4.837.568.040	4.596.020.240
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.837.568.040	4.596.020.240
Phải trả người bán	619.248.529	4.532.175.616
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	4.532.175.616

ương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Hà Thị Thùy
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

